TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **
Số: 03/2019/QĐST-DS	*Phù Cát, ngày 24 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên họp: Ông Bùi Trường Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 13/2019/TLST-VDS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết"*, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- <u>*Người yêu cầu*</u>: Bà **Nguyễn Thị Thu A**, SN: 1966
  Trú tại: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định
- <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*</u> Ông **Nguyễn Văn B**, SN: 1967
  Nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định
  (Bà A có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo yêu cầu và lời khai của bà Nguyễn Thị Thu A, bà A trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967, nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định.

Ông Nguyễn Văn B trước đây đi làm công đánh bắt cá cho tàu cá mang số hiệu BĐ0009TS của chủ tàu là ông Nguyễn T (ông T là cha ruột của ông Nguyễn

Văn B). Trong khi tàu đang đánh bắt hải sản tại vùng biển Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì vào ngày 03/10/1997 Âl cơn bão số 5 ập đến đánh chìm tàu cá nói trên. Trên tàu gặp nạn hôm đó có tổng cộng 11 người nhưng 07 người đã chìm mất tích không tìm được thi thể trong đó có chồng của bà là ông Nguyễn Văn B, còn sống lại 04 người.

Từ ngày tai nạn xảy ra tai nạn (ngày 03/10/1997 Âl) cho đến nay, ông Nguyễn Văn B không có trở về địa phương xã N, huyện P và cũng không có bất cứ liên lạc gì với bà và gia đình.

Vào năm 2007, bà Phan Thị H - sinh năm 1971 ở thôn L, xã N, huyện P đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phù Cát tuyên bố chồng của bà H là ông Văn Thanh Đ – là thuyền viên đi đánh bắt cá trên tàu cá nêu trên cùng với chồng bà, ông Đ là một trong 07 người bị bão đánh chìm tàu mất tích cùng với chồng bà. Tòa án nhân dân huyện Phù Cát ra quyết định giải quyết việc dân sự tuyên bố ông Đ đã chết tại quyết định số 05/2007/QĐDS-ST ngày 18/12/2007.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1967, có cư trú cuối cùng ở Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định là đã chết vào 03/10/1997 Âl.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu A với ông Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/1988 tại UBND xã N, huyện P nên quan hệ hôn nhân giữa bà A với ông B được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà A trình bày, ngày 03/10/1997 Âl ông Nguyễn Văn B đi lao động đánh bắt cá cho tàu cá mang số hiệu BĐ0009TS của chủ tàu là ông Nguyễn T (ông T là cha ruột của ông Nguyễn Văn B). Trong khi tàu đang đánh bắt hải sản tại vùng biển Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì cơn bão số 5 ập đến đánh chìm tàu cá nói trên. Trên tàu gặp nạn hôm đó có tổng cộng 11 người nhưng 07 người đã chìm mất tích không tìm được thi thể trong đó có chồng của bà là ông Nguyễn Văn B. Từ ngày xảy ra tai nạn trên biển cho đến nay, ông Nguyễn Văn B không trở về địa phương và cũng không có tin tức gì cho thấy ông B còn sống. Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chồng bà là ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 đã chết từ ngày 03/10/1997 Âl. Quyền yêu cầu tuyên bố của bà Nguyễn Thị Thu A

là phù hợp với quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 71 của Bộ luật dân sự - 2015, Điều 391 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu A, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát thấy rằng:

[2.1] Sự kiện tàu cá mang số hiệu BĐ0009TS bị tai nạn trên vùng biển Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bởi cơn bão số 5/1997 đánh chìm vào ngày 03/10/1997 Âl và ông Nguyễn Văn B cùng 6 thuyền viên khác trên tàu bị mất tích là sự kiện có thật. Sự việc này đã được ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh D là những người cùng đi lao động trên tàu cá nêu trên còn sống và chính quyền địa phương xác nhận. Hơn nữa 01 lao động đi trên tàu cá nêu trên là anh Văn Thanh Đ, vợ của anh Đ là chị Phan Thị H trước đây đã yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố anh Đ đã chết và Tòa án nhân dân huyện Phù Cát đã thụ lý, giải quyết và ra quyết định tuyên bố anh Văn Thanh Đ là đã chết tại quyết định số 05/2007/QĐDS-ST ngày 18.12.2007, quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Sau khi thụ lý yêu cầu của bà A, Tòa án đã ra quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết, tiến hành đăng tin tìm kiếm ông Nguyễn Văn B trên báo Công lý trong 03 số liên tiếp và Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng 03 kỳ liên tiếp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 392 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, kể từ ngày đăng tin, phát thông báo lần đầu tiên cho đến nay đã quá thời hạn 04 tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự mà vẫn không có tin tức gì về ông Nguyễn Văn B; từ ngày xảy ra tai nạn cho đến nay đã trên 20 năm mà cũng không có bất cứ thông tin gì cho thấy ông Nguyễn Văn B hiện còn sống. Vì vậy, việc bà A yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố chồng bà là ông Nguyễn Văn B đã chết vào ngày 03/10/1997 Âl là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự và các chi phí tố tụng khác:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí cho việc đăng tin, thông báo tìm kiếm.

[4] Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu A.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm c khoản 1, 2 Điều 71, Điều 72 Bộ Luật dân sự năm 2015; các Điều 391, 392, 393 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu A về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn B đã chết.

[3] Tuyên bố ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1967 là đã chết. Thời điểm chết của ông Nguyễn Văn B được xác định là ngày: 03/10/1997 Âl (Nhằm ngày 02/11/1997 Dương lịch).

[4] Về quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản của ông Nguyễn Văn B được giải quyết như đối với một người đã chết.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu số 0004215 ngày 04/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

[6] Chi phí cho việc đăng tin, thông báo tìm kiếm: Bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 3.033.000 đồng *(Ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng)*. Tuy nhiên, bà A đã tạm nộp 3.200.000 đồng nên được khấu trừ, số tiền còn lại là 167.000 đồng Tòa án nhân dân huyện Phù Cát hoàn trả lại cho bà A.

[7] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát cùng cấp;*
- *Người yêu cầu;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Minh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi

thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"